

KẾ HOẠCH

Phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh đến năm 2020 (gồm: Cam, chè, mía, lạc, gỗ rừng trồng, con trâu và cá đặc sản).

Thực hiện Kết luận của Đoàn giám sát 242 – Tỉnh ủy Tuyên Quang tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giám sát thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025; Văn bản số 2628/UBND-NLN, ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh đến năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025 đã đề ra. Kế hoạch phải xác định việc làm cụ thể, thời gian thực hiện, hoàn thành và phân công cho các cơ quan, đơn vị để chủ động tham mưu hoàn thành các nội dung công việc đề ra.

2. Yêu cầu

Thực hiện các công việc phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ, Lãnh đạo Sở; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, các cơ quan, đơn vị trong ngành.

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc căn cứ nội dung công việc được giao trong kế hoạch để vận dụng sáng tạo các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh, huy động tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế và lồng ghép các nguồn vốn để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa các sản phẩm chủ lực (*gồm: Cam, chè, mía, lạc, gỗ rừng trồng, trâu và cá đặc sản*) để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định và phát triển bền vững. Phấn đấu giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp thủy sản tăng bình quân 4-5%/năm. Trọng tâm vào các lĩnh vực như sau:

(1)- Triển khai thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch, đề án: Cơ cấu lại các vùng sản xuất trên cơ sở phát huy tối đa sản phẩm lợi thế, khắc phục tình trạng manh mún, tập trung phát triển thành vùng hàng hóa lớn theo tiêu chuẩn gắn với liên kết chế biến, tiêu thụ, xây dựng chuỗi giá trị.

(2)- Tổ chức lại sản xuất: Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn, nhất là việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, các tổ hợp tác, mở rộng các ngành nghề dịch vụ, gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa, đảm nhiệm tốt vai trò đại diện của nông dân trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ. Tổ chức tốt sản xuất các sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

(3)- Phối hợp với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp đầy mạnh đưa khoa học công nghệ vào khâu sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cây mô (*cây mía, giống cây lâm nghiệp*); sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Lăng, cá Chiên...; phục tráng, nâng cao tầm vóc đàn trâu; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cam, chè, mía.

(4)- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, nhãn mác, xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa nông sản mới và phát triển thương hiệu các sản phẩm hàng hóa đã có để nâng cao giá trị, sức cạnh tranh trên thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nông sản hàng hóa; tập trung phát triển các chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực.

(5)- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, như: Hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi (*cây chè, mía, cam, cây nguyên liệu giấy, chăn nuôi trâu, cá...*); chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại kết hợp phát triển du lịch; chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; bê tông hóa đường giao thông nội đồng vào khu sản xuất hàng hóa tập trung; Chính sách hỗ trợ giống

cây lâm nghiệp chất lượng cao; Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Hướng dẫn và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách của các doanh nghiệp, cơ chế phát triển, thu mua nguyên liệu (*cây mía, chè, rừng nguyên liệu giấy*).

(*có biểu chi tiết thực hiện kèm theo*)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan, xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, phân công nhiệm vụ cho cán bộ công chức phụ trách từng nội dung công việc để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế; thường xuyên thực hiện tự giám sát tiến độ, kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở vào ngày 17 hàng tháng (*gửi kèm theo báo cáo tháng theo quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và PTNT*).

2. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, tham mưu báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiến độ, kết quả thực hiện theo yêu cầu.

3. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện giúp Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện hoàn thành nội dung công việc trong Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận: nk

- UBND tỉnh (*Báo cáo*);
- Đoàn giám sát 242 (*Báo cáo*);
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ngành liên quan (*phối hợp*);
- TT Đảng ủy Sở;
- Giám đốc; các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (*thực hiện*);
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Việt

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÂY CAM GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
1	Quy hoạch, kế hoạch					x	x				Hoàn thành quy hoạch chi tiết phát triển vùng cam trên địa bàn tỉnh.
1.1	<i>Diện tích</i>	ha	7.892	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; các đơn vị liên quan	7.585	7.600	7.717	7.832	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Đến 2020: Hàm Yên 7.132ha, Chiêm Hóa 700 ha.
-	Diện tích trồng mới, trồng lại	ha	333			86	15	117	115		Chiêm Hóa 145 ha; Hàm Yên 188ha.
-	Diện tích kiền thiết cơ bản	ha				2.383	2.214	606	330		
-	Diện tích cho thu hoạch sản phẩm	ha	7.447			5.164	5.388	7.074	7.447		Hàm Yên 6.892ha, Chiêm Hóa 555ha.
-	Năng suất	tạ/ha	151			144	148	150	151		Tăng bình quân 15%/năm
-	Sản lượng	Tấn	112.707			74.313	80.006	105.977	112.707		Hàm Yên 700ha, Chiêm Hóa 71ha
1.2	Sản xuất cam theo tiêu chuẩn Viet GAP	ha	771			246	411	591	771		
1.3	Diện tích ứng dụng công nghệ tưới	ha	599	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Chi cục Thủy lợi và các đơn vị liên quan	-	186	372	559	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Hàm Yên 379ha, Chiêm Hóa 180ha (Theo quy hoạch thủy lợi).
2	Tổ chức sản xuất										
2.1	Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kỹ thuật sản xuất cam an toàn; kỹ thuật thu hái, đóng gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm	Lớp	20	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.		6	7	7	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	
2.2	Thành lập Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ Cam	THT, HTX	6	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Trồng trọt và BVTV		2	2	2		Thành lập 06 Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ cam.
2.3	Mời gọi doanh nghiệp đầu tư sản xuất, tiêu thụ và chế biến cam	DN	2	Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Chi cục PTNT, Chi cục Trồng trọt và BVTV	x	x	x	x	Huyện Hàm Yên	Thành lập được 02 doanh nghiệp tham gia sản xuất, tiêu thụ và chế biến cam.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
2.4	Hỗ trợ xây dựng kho lạnh bảo quản cam	M3	27.500	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Chi cục PTNT, Chi cục Trồng trọt và BVTV	1.500	1.000	10.000	15.000	Huyện Hàm Yên	Xây dựng được hệ thống kho lạnh bảo quản cam và phân phối trái vụ.
2.5	Hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân.										
	Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020	%	100			40	50	80	100		Kiểm tra kiến thức và cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.
	Đối với các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới sau năm 2020	%	80	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và BVTV; UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	30	40	60	80		
2.6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm					10	50	80	100		
	Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020	%	100			10	20	40	60		Thẩm định điều kiện, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
	Đối với các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới sau năm 2020	%	60								
2.7	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Trồng trọt và BVTV	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa và các đơn vị liên quan		x	x	x		Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Cam.
3	Khoa học công nghệ										
3.1	Xây dựng mô hình sử dụng một số loại phân bón mới hiệu quả trong trồng, thâm canh cam để nâng cao năng suất, chất lượng cam (phân bón Grow More, phân DAP Lào Cai, phân vi sinh, phân hữu cơ...). Xây dựng mô hình áp dụng các biện pháp kỹ thuật làm giảm số hạt/quả cam Sành Hàm Yên.	Ha	100	Trung tâm cây ăn quả huyện Hàm Yên	Các Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, Trạm Khuyến nông huyện Hàm Yên		x	x	x	Các xã vùng cam huyện Hàm Yên	Tăng năng suất so với phân bón thông thường trên 10%.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
3.2	Theo dõi, đánh giá mô hình sử dụng giống cam sạch bệnh, chín rải vụ, tăng thu nhập cho người trồng cam (giống cam V2, CS1, BH, CT9, CT36) để nhân ra diện rộng.	Ha	5	Trung tâm cây ăn quả huyện Hàm Yên	Trạm Khuyến nông, UBND xã Tân Thành, Yên Lâm, Nhân Mục, Bằng Cốc	x	x	x	x	xã Phù Lưu, Tân Thành, Yên Lâm, Nhân Mục, Bằng Cốc	Bước đầu tạo được vườn cam giống gốc, sạch bệnh, thu hoạch rải vụ
4	Xúc tiến thương mại										
4.1	Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cam Hàm Yên	GCN	Được cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý	Sở Khoa học và công nghệ	UBND huyện Hàm Yên, Chi cục Trồng trọt và BVTV	x	x	x		Huyện Hàm Yên	Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Cam.
4.2	Phối hợp tổ chức Hội chợ cam Hàm Yên	Hội chợ	Duy trì tổ chức Hội chợ cam (2 năm 1 lần)	UBND huyện Hàm Yên	Chi cục PTNT, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh và đơn vị liên quan	1		1		Huyện Hàm Yên	
4.3	Tham gia các Hội chợ trung bày, quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm	Hội chợ	Duy trì tham gia 4 hội chợ/năm tại các tỉnh, TP lớn	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa		2	4	4	4	Các tỉnh, thành phố lớn	Số lượng người tiêu dùng biết đến cam sành Hàm Yên tăng bình quân 10 -15 %/năm
4.4	Thiết lập kênh phân phối tại các chợ đầu mối và hệ thống siêu thị trên toàn quốc			UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa		x	x	x	x	Các tỉnh, thành phố lớn	Đưa cam sành Hàm Yên vào phân phối tại các chợ đầu mối và hệ thống siêu thị lớn trên toàn quốc
4.5	Truyền thông, quảng bá sản phẩm cam sành trên Đài Truyền hình Trung ương; Đài phát thanh và truyền hình địa phương		Duy trì hàng năm được quảng bá trên truyền hình TW	Đài phát thanh và truyền hình tinh; Báo Tuyên Quang	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh và các đơn vị liên quan	x	x	x	x	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	
5	Cơ giới hóa (Từng khâu: Sản xuất, chăm sóc, bảo quản, chế biến)										
5.1	Khâu làm đất	%	20	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Yên Sơn	Chi cục PTNT và đơn vị liên quan		5	15	20		Diện tích trồng mới, trồng lại được đào hổ bằng máy đào hổ chuyên dụng.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
5.2	Khâu chăm sóc	%	100	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Yên Sơn	Chi cục PTNT và đơn vị liên quan	80	90	100	100	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Yên Sơn	Khâu chăm sóc chỉ ứng dụng cơ giới hóa ở công tác phun thuốc BVTV và phân bón lá.
5.3	Khâu bảo quản	%	8,0			0,7	1,0	3,8	8,0		Sản lượng cam được bảo quản trong kho lạnh
5.4	Khâu chế biến	%	20						20		Mời gọi được doanh nghiệp đầu tư nhà máy sản xuất nước cam trên địa bàn huyện Hàm Yên
6	Cơ chế chính sách										
	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh (khóa XVII) về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và chính sách hỗ trợ tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn.	UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	Các Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Phát triển nông thôn; Thủy lợi và Trung tâm Khuyến nông	x	x	x	x	Huyện Hàm Yên và Chiêm Hóa	Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.		

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
1	Quy hoạch, kế hoạch										
-	<i>Diện tích</i>	ha	8.698			8.613	8.535	8.803	8.883		
-	Diện tích cho thu hoạch sản phẩm	ha	7.968			8.136	8.081	8.071	7.968		
-	Năng suất	tạ/ha	89			80	80	86	89		Tăng trưởng 3,3%/năm
-	Sản lượng	Tấn	70.555			64.844	64.664	69.070	70.555		Tăng trưởng 2,0%/năm
1.1	Chè thường	ha	7.028	Ủy ban nhân dân các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên và thành phố Tuyên Quang	Chi cục Trồng trọt và BVTV và các đơn vị liên quan	6.998	6.850	7.048	7.028	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên và thành phố Tuyên Quang	Ôn định diện tích
-	Trồng lại (thay thế chè già cỗi)	ha	655			130	180	180	165		Sơn Dương 195ha, Yên Sơn 350ha, thành phố Tuyên Quang 55ha, Hàm Yên 55ha.
-	C.sóc kiến thiết cơ bản	ha				189	258	373	490		
-	Diện tích cho thu hoạch sản phẩm	ha	6.373			6.580	6.526	6.495	6.373		Tăng trưởng 4,3%/năm
-	Năng suất	tạ/ha	100			89	89	95	99		
-	Sản lượng	Tấn	63.994			58.415	57.904	61.945	62.799		Tăng trưởng 2,4%/năm
1.2	Chè đặc sản	ha	1.855			1.615	1.685	1.755	1.855		
-	Trồng mới	ha	260	Ủy ban nhân dân các huyện Na Hang, Lâm Bình	Chi cục Trồng trọt và BVTV và các đơn vị liên quan	20	70	70	100	Huyện Na Hang, Lâm Bình	Na Hang 225ha, Lâm Bình 35ha.
-	C.sóc kiến thiết cơ bản	ha				39	60	109	160		
-	Trong đó, diện tích cho thu hoạch sản phẩm	ha	1.595			1.556	1.555	1.576	1.595		
-	Năng suất	tạ/ha	49			41	43	45	49		Tăng trưởng 5,6%/năm
-	Sản lượng	Tấn	7.756			6.429	6.761	7.125	7.756		Tăng trưởng 6,5%/năm
1.3	Sản xuất chè ứng dụng công nghệ tưới	ha	490	UBND các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên và thành phố Tuyên Quang	Chi cục Thủy lợi và các đơn vị liên quan		163	326	490	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên và thành phố Tuyên Quang	Sơn Dương 140ha, Yên Sơn 200 ha, Thành phố 130ha, Na Hang 20ha (Theo quy hoạch thủy lợi)
2	Tổ chức sản xuất										

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
2.1	Thành lập các tổ nhóm, Hợp tác xã kiều mới sản xuất, chế biến, kinh doanh tiêu thụ chè.	THT, HTX	10	Chi cục PTNT	Chi cục Trồng trọt và BVTV; các đơn vị liên quan	1	2	5	2	Các huyện, thành phố	
2.2	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất chè gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm	Mô hình	5	Chi cục PTNT	UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	1	1	2	1	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình	
2.3	Xây dựng mô hình sản xuất chè an toàn nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	ha	30	Trung tâm Khuyên nông	Trung tâm Khuyên nông tỉnh Thái Nguyên; Trạm Khuyến nông huyện Yên Sơn, Công ty Cổ phần chè Mỹ Lãm.	x	x	x		Xã Mỹ Bằng (Yên Sơn)	Năng suất chè búp tươi đạt 15-18 tấn/ha (tăng 15-20%); sản phẩm chè búp tươi đạt tiêu chuẩn VietGAP, tăng thu nhập hơn 20%.
2.4	Hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân.										
	Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020	%	100								
	Đối với các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới sau năm 2020	%	80	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và BVTV; UBND huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa	40	50	80	100		Kiểm tra kiến thức và cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.
2.5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm					30	40	60	80		
	Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới và các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020	%	100								
	Đối với các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới sau năm 2020	%	60			10	50	80	100		Thẩm định điều kiện, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
2.6	Thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường	Sản phẩm	5	Chi cục PTNT	UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	1	2	1	1	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
2.7	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Trồng trọt và BVTM	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan		x	x	x		Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Chè.
3	Khoa học công nghệ										
3.1	Xây dựng mô hình tưới nước tiết kiệm bằng máy phun mưa di động đối với sản xuất chè an toàn	Ha	15	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên; Trạm Khuyến nông huyện Yên Sơn, Công ty Cổ phần chè Mỹ Lâm.	x	x	x		Xã Mỹ Bằng (Yên Sơn)	Tăng năng suất 15-20%, tăng thu nhập hơn 20%, sản phẩm chè búp tươi đạt tiêu chuẩn VietGAP.
3.2	Thay thế một số diện tích chè già cỗi, nâng suất thấp bằng các giống chè mới năng suất cao, chất lượng tốt (giống chè PHI, giống LDP1...).	Ha	120	Trạm Khuyến nông các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Sơn Dương	UBND các xã Mỹ Bằng, Tú Quaren (Yên Sơn), xã Thái Hòa (Hàm Yên), xã Tú Thịnh (Sơn Dương)		x	x	x	Xã Mỹ Bằng, Tú Quaren (Yên Sơn), xã Thái Hòa (Hàm Yên), xã Tú Thịnh (Sơn Dương)	Năng suất chè búp tươi đạt trên 10 tấn/ha.
3.3	Xây dựng mô hình sử dụng các loại phân bón mới để đầu tư thâm canh tăng năng suất chè (Phân bón vi sinh ToBa, phân bón vi sinh V05 PRO ...).	Ha	100	Trạm Khuyến nông các huyện Yên Sơn, Hàm Yên, Sơn Dương	UBND các xã Đức Ninh (Hàm Yên), Tú Quaren (Yên Sơn), Minh Thanh (Sơn Dương)		x	x	x	Xã Đức Ninh (Hàm Yên), Tú Quaren (Yên Sơn), Minh Thanh (Sơn Dương)	Tăng năng suất từ 10-15% so với sử dụng các loại phân thông thường.
4	Xúc tiến thương mại										
4.1	Tham gia các Hội chợ trung bày, quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trong và ngoài tỉnh	Hội chợ	14	TTXTĐT; Các DN, HTX sản xuất chè	UBND các huyện, TP; Chi cục PTNT và các đơn vị liên quan	2	4	4	4	Trong và ngoài tỉnh	
4.2	Tập huấn cho HTX, doanh nghiệp kiến thức về thị trường, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm	Lớp	4	Sở Công Thương, Chi cục PTNT	UBND các huyện, TP và các đơn vị liên quan	1	1	1	1	Trong và ngoài tỉnh	
4.3	Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chè	Sản phẩm	7	Sở Khoa học và công nghệ	Chi cục PTNT và các đơn vị liên quan	1	3	2	1		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
4.4	Truyền thông, quảng bá sản phẩm trên truyền thanh, truyền hình, Website của tỉnh và các cơ quan, đơn vị	Lượt	18	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang	UBND các huyện, Thành phố, Trung tâm xúc tiến đầu tư và các đơn vị liên quan	3	5	5	5	Trong và ngoài tỉnh	
5	Cơ giới hóa (Từng khâu: Sản xuất, chăm sóc, bảo quản, chế biến)										
	Khâu làm đất	%	97	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Chi cục PTNT và đơn vị liên quan	96	96	97	97	Các huyện, thành phố	Hiện nay chưa có máy trồng chè Cơ giới hóa ở công tác phun thuốc BVTV và phân bón lá và công tác xới đất vun gốc
	Khâu gieo trồng	%	0			0	0	0	0		
	Khâu chăm sóc	%	90			90	90	90	90		
	Khâu thu hoạch	%	85			83	84	85	85		
	Khâu chế biến	%	100			100	100	100	100		
6	Cơ chế chính sách										
	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn; Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh (khóa XVII) về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và chính sách hỗ trợ tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn.		UBND các huyện, thành phố	Các Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Phát triển nông thôn; Thủy lợi và Trung tâm Khuyến nông	x	x	x	x	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.	

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÂY MÍA GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
I	Quy hoạch, kế hoạch										
1	Diện tích	ha	15.460			10.390	11.536	14.485	15.460		Sơn Dương 4.640ha, Yên Sơn 3.160ha, Thành phố 460ha, Hàm Yên 2.250ha, Chiêm Hóa 4.700ha, Lâm Bình 90ha, Na Hang 160 ha.
	Trong đó: + D.tích trồng mới	ha	4.713			1.153	1.245	1.146	1.140		
	+ D.tích trồng lại	ha				1.914	2.741	3.215	3.461		
-	Năng suất bình quân	tạ/ha	794			664	700	773	794		
-	Sản lượng	Tấn	1.227.375			689.760	807.146	1.119.075	1.227.375		
1.1	Mía nguyên liệu	ha	14.985	Công ty CP mía đường Sơn Dương	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chi cục Trồng trọt và BVTV	10.190	11.261	14.090	14.985	Các huyện, thành phố	Tăng trưởng 7,5%/năm
-	Năng suất	tạ/ha	800,0			666	703	778	800		Tăng trưởng 6,2%/năm
-	Sản lượng	Tấn	1.198.800			678.654	791.761	1.096.456	1.198.800		Tăng trưởng 14,1%/năm
1.2	Mía giống	ha	475,0	Công ty CP mía đường Sơn Dương	UBND các huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa, Yên Sơn, Hàm Yên, thành phố Tuyên Quang; Chi cục Trồng trọt và BVTV	200	275	395	475	Huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa, Yên Sơn, Hàm Yên, thành phố Tuyên Quang	Đảm bảo đủ giống đạt tiêu chuẩn cấp xác nhận trở lên để trồng mới, trồng lại mía nguyên liệu. Sơn Dương 110ha, Yên Sơn 110ha, Thành phố 15ha, Hàm Yên 100ha, Chiêm Hóa 140ha.
-	Năng suất	tạ/ha	601,6			555	559	573	602		
-	Sản lượng	Tấn	28.575,0			11.106	15.385	22.620	28.575		
2	Tổ chức sản xuất										
2.1	Diện tích sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	ha	40	Công ty CP mía đường Sơn Dương	Ủy ban nhân dân các huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa; Chi cục Trồng trọt và BVTV	10	20	30	40	Huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa;	Sơn Dương 20ha, Chiêm Hóa 20ha.
2.2	Diện tích ứng dụng công nghệ tưới	ha	460	Công ty CP mía đường Sơn Dương	Chi cục Thủy lợi; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố		153	306	460	Các huyện, thành phố	Sơn Dương 400ha, Yên Sơn 60ha (Theo quy hoạch thủy lợi).

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
2.3	Mô hình trồng thử nghiệm giống mía mới	ha	30	Công ty CP mía đường Sơn Dương	UBND các huyện, thành phố		10	10	10	Các huyện, thành phố	
2.4	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Trồng trọt và BVTM	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan		x	x	x		Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Mía nguyên liệu.
3	Khoa học công nghệ										
3.1	Nâng rộng diện tích sử dụng phân bón GrowMore trong thăm canh mía để nâng cao năng suất, thu nhập cho người trồng mía.	Ha	2.000	Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Trung tâm KN, Trạm KN các huyện; Công ty Cổ phần Hương Nam (Hải Phòng)		x	x	x	Các huyện: Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương.	Năng suất mía bình quân toàn tỉnh đạt trên 80 tấn/ha, chũ đường đạt trên 12 CCS
3.2	Mở rộng diện tích thực hiện cánh đồng mía lớn tại các huyện.	Ha	50	Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Trạm KN các huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương		x	x	x	Các huyện: Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương.	Năng suất mía bình quân toàn tỉnh đạt trên 100 tấn/ha, chũ đường đạt trên 12 CCS.
4	Cơ giới hóa (Từng khâu: Sản xuất, chăm sóc, bảo quản, chế biến)										
4.1	Khâu làm đất	%	90	Công ty CP Mía đường Sơn Dương	UBND các huyện, thành phố; Chi cục PTNT	70	75	80	90	Các huyện, thành phố	
4.2	Khâu chăm sóc	%	40			25	30	35	40		
4.3	Khâu thu hoạch	%	30			21	25	30	30		
4.4	Khâu chế biến	%	95			80	85	90	95		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
5	Cơ chế chính sách										
	Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh (khóa XVII) về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và chính sách hỗ trợ tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn.		UBND các huyện, thành phố	Các Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Phát triển nông thôn; Thủy lợi và Trung tâm Khuyến nông Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương	x	x	x	x	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.	

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÂY LẠC GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
1	Quy hoạch, kế hoạch										
-	Diện tích	ha	5.000			4.274	4.224	4.675	4.800		Chiêm Hóa 3.000ha, Lâm Bình 500ha, Sơn Dương 524ha, Hàm Yên 330ha, Yên Sơn 255ha, Na Hang 136ha và thành phố Tuyên Quang 55 ha.
-	Năng suất	tạ/ha	31,2			29,1	29,5	30,7	31,2		
-	Sản lượng	Tấn	15.587			12.437	12.461	14.340	14.964		
1.1	Lạc thương phẩm	ha	4.700	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị liên quan	4.249	3.999	4.410	4.500	Các huyện, thành phố	
-	Năng suất	tạ/ha	31,5			29,0	29,8	31,0	31,6		
-	Sản lượng	Tấn	14.810			12.314	11.903	13.680	14.214		
1.2	Lạc giống	ha	300	Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị liên quan	24,6	225	265	300	Huyện Chiêm Hóa	Đảm bảo nguồn giống đạt tiêu chuẩn cấp xác nhận trở lên để trồng 30% diện tích trong tỉnh và cung ứng ra ngoài tỉnh
-	Năng suất	tạ/ha	25,0			93,5	24,8	24,9	25,0		
-	Sản lượng	Tấn	750			123	558	660	750		
2	Tổ chức sản xuất										
2.1	Thử nghiệm một số giống lạc mới để áp dụng vào sản xuất tại địa phương.	Mô hình	2	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Chiêm Hóa và đơn vị liên quan	1	1			các xã huyện Chiêm Hóa	
2.2	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn; quy mô diện tích 200 ha tại xã Phúc Sơn và xã Minh Quang huyện Chiêm Hóa...	Mô hình	1				x	x	x	Huyện Chiêm Hóa	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
2.3	Đào tạo nâng cao kiến thức về liên doanh liên kết sản xuất, nhân giống lạc cho cán bộ, nông dân, tổ hợp tác... vùng sản xuất lạc.	Lớp	2	Trung tâm Khuyến nông	UBND huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình và đơn vị liên quan		1	1		Huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình	
2.4	Hỗ trợ máy bóc tách vỏ lạc (9 xã huyện Chiêm Hóa và 4 xã huyện Lâm Bình)	Máy	26				13	13		(9 xã huyện Chiêm Hóa và 4 xã huyện Lâm Bình)	
2.5	Đầu tư dây truyền sấy lạc thương phẩm	Dây truyền	1	HTX NLN xã Thổ Bình	UBND huyện Lâm Bình và đơn vị liên quan	1				xã Thổ Bình (Lâm Bình)	Liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm lạc trên địa bàn
2.6	Đầu tư dây truyền sản xuất dầu lạc	Dây truyền	1	HTX NLN xã Phúc Sơn	UBND huyện Chiêm Hóa và đơn vị liên quan		x	x		Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	
2.7	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Trung tâm Khuyến nông	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan		x	x	x		Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Lạc.
3	Khoa học công nghệ										
3.1	Xây dựng mô hình máy làm đất, lén luồng gieo hạt lạc để giảm chi phí sản xuất.	Máy	12	Trung tâm Khuyến nông	Trạm KN các huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình	x	x	x	x	Các xã vùng lạc thuộc huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình	Chủ động trong khâu làm đất lén luồng, gieo hạt lạc
3.2	Xây dựng mô hình liên doanh, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lạc để nâng cao giá trị và thu nhập của người sản xuất lạc.	Mô hình	9	Trung tâm Khuyến nông	Trạm Khuyến nông huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình		x	x	x	UBND các xã Minh Quang, Phúc Sơn, Tân Mỹ, Thổ Bình	Mỗi xã xây dựng ít nhất 01 mô hình liên doanh liên kết
4	Xúc tiến thương mại										
4.1	Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa sản phẩm dầu lạc	Sản phẩm	1	HTX NLN xã Thổ Bình	Chi cục PTNT và các đơn vị liên quan			1			Được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu sản phẩm dầu lạc.

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						2017	2018	2019	2020		
4.2	Tham gia các Hội chợ trung bày, quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm cùng với các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hội chợ	Duy trì tham gia 4 hội chợ/năm tại các tỉnh, TP lớn	Trung tâm Xúc tiến đầu tư; Chi cục PTNT	Các doanh nghiệp, HTX	2	4	4	4	Trong và ngoài tỉnh	
5	Cơ giới hóa (Từng khâu: Sản xuất, chăm sóc, bảo quản, chế biến)										
	Khâu làm đất	%	90	UBND các huyện, thành phố	Chi cục PTNT, Chi cục Trồng trọt và BVTV, Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị liên quan	83	85	90	90	Các huyện, thành phố	
	Khâu chăm sóc	%	70			62	65	70	70		
	Khâu thu hoạch (tuốt, tách hạt)	%	60			40	50	55	60		
	Khâu sấy, chế biến	%	20			10	12	15	20		
6	Cơ chế chính sách										
	Thực hiện Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cảnh đồng lớn; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh (khóa XVII) về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và chính sách hỗ trợ tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn.			UBND các huyện, thành phố	Các Chi cục: Trồng trọt và BVTV; Phát triển nông thôn; Thủy lợi và Trung tâm Khuyến nông	x	x	x	x	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÂY GỖ RỪNG TRỒNG GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Về quy hoạch, kế hoạch										
1.1	Trồng rừng									Toàn tỉnh	
	- Trồng rừng tập trung	ha	42.850	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	11.774	11250	10200	10000		Mục tiêu đến 2020: Lâm Bình 1.700 ha; Na Hang: 2.700 ha; ; Chiêm Hoá: 7.000 ha; Hàm Yên 10.000 ha; Yên Sơn: 12.600 ha; Sơn Dương 7.800 ha; Thành phố 1.050 ha
	- Trồng cây phân tán (quy DT)	ha	1.400			350	350	350	350		
	- Rừng trồng gỗ lớn	ha	9100,00			2.150	2.150	2.400	2.400		Mục tiêu đến 2020: Chiêm Hoá: 2.600 ha; Hàm Yên 2.600 ha; Yên Sơn: 2.400 ha; Sơn Dương 1.300 ha; Thành phố 200 ha
	- Trồng rừng bằng giống cây chất lượng cao	ha	34280,00			9.120	9.000	8.160	8.000		Mục tiêu đến 2020: Lâm Bình 1.360 ha; Na Hang: 2.160 ha; ; Chiêm Hoá: 5.600 ha; Hàm Yên 8.000 ha; Yên Sơn: 10.080 ha; Sơn Dương 6.240 ha; Thành phố 840 ha
1.2	Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ										
a	Khai thác gỗ rừng trồng										
	- Diện tích	ha	39.350			9750	10000	9900	9700		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
	- Sản lượng	m3	3.381.450	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan	844200	836500	859000	841750		Lâm Bình 86.200m3; Na hang 127.250 m3; Chiêm Hoá: 481.500m3; Hàm Yên: 852.700m3; Yên Sơn: 1.039.750 m3 ; Sơn Dương: 708.000m3 ; Thành phố: 86.050 m3
b	Lâm sản ngoài gỗ (tre, nứa, vầu)	tấn	88.400			22100	22100	22100	22100		
1.3	Diện tích rừng được cấp chứng nhận quản lý bền vững (lũy kế).	ha	20.118			16.478	18.118	19.118	20.118		Chiêm Hoá 6.517,5 ha; Sơn Dương 4.480,5 ha; Hàm Yên: 3.650,5 ha; Yên Sơn: 5.469,5 ha
	Diện tích thực hiện mới trong năm	ha				515	1.640	1.000	1.000		
1.4	Sản lượng gỗ rừng trồng bình quân khai thác										
	- Rừng trồng các loại	m3/ha/ch u kỳ	100			78	86	94	100		
	- Rừng trồng bằng cây Keo	m3/ha/ch u kỳ	120			80	88	97	120		
1.5	Giá trị sản phẩm thu được 1ha rừng trồng sản xuất	Triệu đồng/ha/c hu kỳ	150,00			101	113	124	150		
2	Tổ chức sản xuất										

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
2.1	Sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp thuộc tỉnh			Các công ty lâm nghiệp	các Sở, UBND các huyện, TP	x	x	x	x	05 công ty TNHH 1TV lâm nghiệp thuộc tỉnh	Chuyển đổi 04 công ty TNHH 1TV lâm nghiệp gồm Chiêm Hoá, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương thành công ty TNHH hai thành viên trở lên; chuyển đổi công ty TNHH 1TV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi chuyển thành Công ty cổ phần, nhà nước không nắm giữ cổ phần
2.2	Sản xuất giống Cơ sở SX	Cơ sở		Các công ty lâm nghiệp, các tổ		19	19	19	19		
	Số lượng	triệu cây				18	18	18	18		
2.3	Tham mưu thực hiện Dự án Phát triển lâm nghiệp tinh Tuyên Quang	DA		Chi cục Kiểm lâm; Phòng Kế hoạch-Tài chính	UBND các huyện, Thành phố và các ngành liên quan	x	x	x	x	07 huyện, thành phố	Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng 500 ha; hỗ trợ trồng rừng SX 500 ha; hỗ trợ chăm sóc 3588,1 ha rừng trồng phòng hộ, đặc dụng; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật SX giống bằng phương pháp nuôi cây mô; cải tạo, nâng cấp 30 km đường ô tô lâm nghiệp
2.4	Dự án Đầu tư sản xuất giống keo lai bằng phương pháp nuôi cây mô	DA		Trường ĐH Tân Trào	các Sở, UBND các huyện, TP	x				Trung tâm Thực hành, Trường ĐH Tân Trào	Xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sản xuất cây giống keo lai bằng phương pháp nuôi cây mô
2.5	Dự án xác định ranh giới và đóng mốc điều chỉnh quy hoạch phân ba loại rừng tinh Tuyên Quang	CT		Chi cục Kiểm lâm; Phòng Kế hoạch-Tài chính	UBND các huyện, Thành phố và các ngành liên quan	x	x			Toàn tỉnh	Đóng mốc ranh giới các loại rừng trên thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; ranh giới quản lý rừng của các chủ rừng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
2.6	Đầu tư nhà máy chế biến gỗ công suất 20.000 m ³ sản phẩm/năm	Nhà máy	1	Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang	Chi cục Kiểm lâm, UBND huyện Yên Sơn và các đơn vị liên quan	x	x	x	x	Huyện Yên Sơn	Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu
2.7	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan		x	x	x		Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Keo.
3	Khoa học và công nghệ										
3.1	Nhận chuyển giao kỹ thuật nhân giống cây keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô			Trường ĐH Tân Trào	Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	x				Trung tâm Thực hành, Trường ĐH Tân Trào	Ứng dụng thành công công nghệ sản xuất cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào
3.2	Dự án ứng dụng kỹ thuật trồng rừng sản xuất bằng loài cây keo lai sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô	ha		Viện nghiên cứu lâm sinh - Viện KH lâm nghiệp Việt Nam	Công ty TNHH 1 TV lâm nghiệp Tuyên Bình, Sơn Dương		x	x	x	Huyện Yên Sơn, Sơn Dương	Trồng 10,0 ha rừng trồng sản xuất bằng cây giống keo lai nuôi cấy mô (mỗi huyện 5,0 ha)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
3.3	Xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại tỉnh Tuyên Quang.	ha	42	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang	Trạm Khuyến nông Yên Sơn; Công ty TNHH một thành viên Tuyên Bình	x	x	x	x	xã Xuân Vân, Trung Trực huyện Yên Sơn	Tỷ lệ cây sống đạt >90%; vượt 20% về đường kính và chiều cao so với đối chứng; năng suất đạt trên 100 m3/ha/chu kỳ 7 năm và trên 150 m3/ha/chu kỳ 10 năm.
3.4	Xây dựng mô hình thử nghiệm phân bón Miwon MV-L lồng trên cây keo, bạch đàn để tăng năng suất rừng trồng	Ha	100	Trung tâm Khuyến nông	Trạm Khuyến nông huyện Yên Sơn, Công ty lâm nghiệp MTV Tuyên Bình	x	x	x	x	Các xã: Xuân Vân, Trung Trực, Tân Tiến, Tân Long, Kiến Thiết (Yên Sơn)	Tăng năng suất rừng keo, bạch đàn trên 10% so với đối chứng.
4	Cơ chế chính sách										
	Thực hiện chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021			UBND các huyện, thành phố	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan		x	x	x	Toàn tỉnh	Đến năm 2020, 80% diện tích rừng trồng sản xuất được trồng bằng cây giống chất lượng cao.

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CON TRÂU GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Về quy hoạch, kế hoạch										
	Tổng đàn trâu qua các năm	Con	122.185	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và Thú y; các đơn vị liên quan	116.201	117.440	119.789	122.185	7 huyện, thành phố	Tốc độ tăng đàn 2%/năm
2	Tổ chức sản xuất										
-	Hình thành chuỗi sản xuất (mô hình liên kết với doanh nghiệp/Hợp tác xã)	Mô hình	2	UBND huyện Chiêm Hoá, Yên Sơn	Chi cục Chăn nuôi và thú y, các đơn vị, doanh nghiệp liên quan			1	1	Huyện Yên Sơn, Chiêm Hoá	Hình thành 2 chuỗi liên kết có sự tham gia của doanh nghiệp đầu tàu
-	Tổ hợp tác chăn nuôi trâu	Tổ	18	UBND huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan	18	18	18	18	7 huyện, thành phố	Duy trì, hoạt động có hiệu quả 18 tổ hợp tác chăn nuôi trâu trên địa bàn toàn tỉnh
-	Bình tuyển chọn lọc hàng năm đối với trâu đực giống	%	100	7 huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan		100	100	100	7 huyện, thành phố	100% trâu đực giống được bình tuyển chọn lọc hàng năm; có phương án loại thải những trâu không đủ tiêu chuẩn
-	Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (LMLM, THT)	%	80	7 huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan	80	80	80	80	7 huyện, thành phố	Đàn trâu không có dịch bệnh, tỷ lệ tiêm phòng đạt bảo hộ theo quy định
-	Chế biến, dự trữ, bảo quản thức ăn (rom, ủ chua....)	%	95	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan	70	80	90	95	7 huyện, thành phố	Đến năm 2020: 95% số hộ chăn nuôi trâu biết cách chế biến, dự trữ, bảo quản thức ăn cho trâu trong mùa khan hiếm thức ăn.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
-	Diện tích cây thức ăn (cỏ, ngô dày)	Ha	815	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan	815	815	815	815	7 huyện, thành phố	Duy trì diện tích trồng cây thức ăn hiện có; tận dụng, chuyển đổi các diện tích trồng hoa màu kém chất lượng sang trồng cỏ để chăn nuôi gia súc, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân sử dụng một số giống cỏ có năng suất chất lượng cao trồng trên địa bàn, nhằm chủ động nguồn thức ăn, đặc biệt trong vụ đông.
-	Số hộ chăn nuôi trâu có chuồng nuôi	%	95	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và thú y; các đơn vị liên quan	70	80	90	95	7 huyện, thành phố	Đến năm 2020: 95% hộ chăn nuôi trâu có chuồng trại đảm bảo che chắn tốt, nhằm bảo vệ đàn trâu
	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Chăn nuôi và Thủ y	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	x	x	x			Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị Trâu.
3	Khoa học và công nghệ										
-	Xây dựng mô hình trồng cỏ giống mới trong chăn nuôi trâu (cỏ Pakchong 1, cỏ Sweet - Jumbo, cỏ Mulato, cỏ VA06 ...).	Ha	50	Trung tâm Khuyến nông	Trạm Khuyến nông các huyện, thành phố;		x	x	x	Các huyện: Lâm Bình, Na Hang, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá.	Đến năm 2020, diện tích trồng cỏ giống mới đạt 10ha/huyện.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
-	Xây dựng, thực hiện mô hình cài tạo đàn trâu địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo để nâng cao chất lượng đàn trâu tại huyện Yên Sơn.	Con	200	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi, Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Trạm Khuyến nông huyện Yên Sơn.	x	x	x		Tại các xã Trung Sơn, Đạo Viện (Yên Sơn)	Mỗi năm thụ tinh thành công cho 50 trâu cái có chứa
-	Thực hiện Dự án cài tạo đàn trâu bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.	DA	1	Viện Chăn nuôi	Chi cục CNTY, các đơn vị liên quan, UBND huyện Chiêm Hoá, Sơn Dương	Bắt đầu thực hiện	kết thúc dự án			Huyện Chiêm Hoá, Sơn Dương	Ứng dụng thành công việc Thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi trâu, kết thúc dự án có 150 trâu cái được bình tuyển chọn lọc, phối giống nhân tạo ; 30 nghé được sinh ra bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo ; Tập huấn nâng cao tay nghề cho 06 kỹ thuật viên thành thạo kỹ thuật Thụ tinh nhân tạo trâu ; Tập huấn cho 150 lượt nông dân về kỹ thuật chăn nuôi trâu, kỹ thuật phát hiện trâu cái động dục.
	Phối hợp theo dõi, thực hiện đề tài nghiên cứu khai thác và Phát triển nguồn gen trâu khối lượng tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang	Đề tài		Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trung tâm Khuyến nông, UBND huyện Chiêm Hóa	x	x	x		Huyện Chiêm Hóa	
4	Xúc tiến thương mại										

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
	Duy trì và phát triển các chợ trâu hiện có trên địa bàn	Chợ	2	UBND huyện Yên Sơn, Na Hang	Chi cục CNTY, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh, các đơn vị liên quan.					Huyện Yên Sơn, Na Hang	Duy trì và phát triển ổn định 02 chợ trâu tại các huyện Na Hang, Yên Sơn
5	Cơ chế chính sách										
	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh (khóa XVII) về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.			UBND các huyện, thành phố	Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Trung tâm Khuyến nông	x	x	x	x	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.

KẾ HOẠCH, VIỆC LÀM CỤ THỂ PHÁT TRIỂN CÁ ĐẶC SẢN GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 1686/KH-SNN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Về quy hoạch										
1.1	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	ha	12213,6	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Thủy sản	11.288	11.288	12.213,6[1]	12.213,6 [2]	Toàn tỉnh	Đến năm 2020: Lâm Bình 3.569,8ha, Na Hang 4.564,8ha, Chiêm Hóa 996,3ha, Hàm Yên 555,3ha, Yên Sơn 1.529ha, Sơn Dương 918ha, thành phố Tuyên Quang 180ha.
	Tổng số lồng nuôi	Lồng	984	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Thủy sản	909	935	966	984	Toàn tỉnh	
	Số lồng nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao	Lồng	492	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Thủy sản	464	476	480	492	Toàn tỉnh	
1.2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	8018	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Thủy sản	7498	7542,8	7847,4	8018,6	Toàn tỉnh	Đến năm 2020: Lâm Bình 377,4 tấn; Na Hang 620,2 tấn; Chiêm Hóa 1.212,7 tấn; Hàm Yên 1.391,1 tấn; Yên Sơn 1.886,8 tấn; Sơn Dương 1.882 tấn; thành phố Tuyên Quang 648,4 tấn.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
	Trong đó: Sản lượng cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao	Tấn	785	UBND các huyện, thành phố	Chi cục Thủy sản	315	445	600	785	Toàn tỉnh	Đến năm 2020: Lâm Bình 129,6 tấn; Na Hang 307,8 tấn; Chiêm Hóa 83 tấn; Hàm Yên 126,2 tấn; Yên Sơn 54 tấn; Sơn Dương 25,5 tấn; thành phố Tuyên Quang 58,9 tấn.
2	Tổ chức sản xuất										
2.1	Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phát triển cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ; mô hình nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP		Tỉ lệ lồng nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao chiếm 50% tổng số lồng nuôi.	Chi cục Thủy sản	UBND các huyện thành phố	x	x	x	x	Toàn tỉnh	Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh về kỹ thuật nuôi cá đặc sản và nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP
2.2	Liên kết sản xuất theo chuỗi đối với cá đặc sản	Chuỗi	1	Chi cục Thủy sản	Chi cục QLCL NLS và TS, UBND các huyện thành phố	x	x	x	x	Toàn tỉnh	Ít nhất có một chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ giữa doanh nghiệp với người nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh
2.3	Hình thành cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh	Cơ sở	1	Chi cục Thủy sản	Chi cục QLCL NLS và TS, UBND các huyện thành phố	x	x	x	x	Toàn tỉnh	Ít nhất có 01 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh
3	Khoa học và công nghệ										

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
3.1	Thực hiện đề tài “Áp nở trứng cá Tầm và ương nuôi cá Tầm giống”.			Chi cục Thủy sản	Trung tâm Thủy sản	x	x	x		Hồ thủy điện Tuyên Quang	Nghiên cứu và thực hiện thành công công nghệ áp nở trứng cá Tầm và ương nuôi cá Tầm giống trên hồ thủy điện Tuyên Quang
3.2	Nghiên cứu xác định một số bệnh ở cá Chiên (<i>Bagarius yarrelli</i>) nuôi trong lồng trên sông, hồ và đề xuất các giải pháp phòng trị bệnh.			Trung tâm Thủy sản	Chi cục Thủy sản	x	x			Hồ thủy điện Chiêm Hóa, huyện Hàm Yên	Nghiên cứu xác định các tác nhân gây bệnh cho cá Chiên nuôi trong lồng trên sông, hồ thủy điện như: tác nhân thủy lý, thủy hóa và thủy sinh...và đề xuất các giải pháp phòng trị bệnh có hiệu quả.
3.3	Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá Bỗng.			Chi cục Thủy sản	Trung tâm Thủy sản		x	x	x	Toàn tỉnh	Có ít nhất 01 tổ chức trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá Bỗng
3.4	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Biofloc trong nuôi trồng thủy sản thâm canh năng suất cao			Chi cục Thủy sản	Trung tâm Thủy sản; các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản		x	x	x	Toàn tỉnh	Xây dựng 01 điểm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản thâm canh trong ao bằng công nghệ Biofloc.
3.5	Tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất giống cá đặc sản (cá Chiên, cá Lăng chấm, Anh Vũ...)			Trung tâm Thủy sản	Chi cục Thủy sản	x	x	x	x	Trung tâm Thủy sản	Tiếp tục sản xuất giống cá đặc sản đáp ứng nhu cầu của người nuôi trên địa bàn tinh.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
3.6	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án phát triển kinh doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.			Chi cục Chăn nuôi và Thú y	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan		x	x	x		Nâng cấp và thực hiện có hiệu quả chuỗi giá trị cá đặc sản.
4	Xúc tiến thương mại										
4.1	Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa đối với sản phẩm cá đặc sản	Nhãn hiệu	2	Chi cục Thủy sản	Chi cục PTNT, UBND các huyện, thành phố	x	x	x	x	Toàn tỉnh	Xây dựng được ít nhất 02 nhãn hiệu sản phẩm cá đặc sản trên địa bàn tỉnh
4.2	Xây dựng thương hiệu đối với sản phẩm cá Chiên	Chi dãn địa lý	1	Chi cục Thủy sản	Chi cục PTNT, UBND các huyện, thành phố	x	x	x	x	Huyện Hàm Yên	Xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm cá Chiên xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên
4.3	Đưa sản phẩm cá đặc sản tham gia các hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh	Cuộc	4	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Thủy sản, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh	x	x	x	x	Trong và ngoài tỉnh	Đưa sản phẩm cá đặc sản tham gia ít nhất 4 hội chợ thương mại để quảng bá sản phẩm.
4.4	Kết nối tiêu thụ sản phẩm cá đặc sản đến các cửa hàng phân phối thực phẩm an toàn tại thành phố Hà Nội	Cửa hàng	7	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục Thủy sản, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh	1	2	2	2	Thành phố Hà Nội	Đến năm 2020 có ít nhất 07 cửa hàng phân phối thực phẩm an toàn tại thành phố Hà Nội tiêu thụ sản phẩm cá đặc sản của Tuyên Quang

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Mục tiêu đến năm 2020	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện				Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
						Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
4.5	Xây dựng quầy trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao tại Hà Nội	Quầy	1	Chi cục Thủy sản	Chi cục PTNT, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh và các tổ chức nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh	x	x	x	x	Hà Nội	Có ít nhất 01 quầy trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao tại Hà Nội.
5	Cơ chế chính sách										Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh.
	Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cá đặc sản theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh.			UBND huyện, phố	các thành phố	Chi cục Thủy sản; Chi cục PTNT và các tổ chức nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh	x	x	x	UBND các huyện, thành phố	